TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2024/HS-ST
Ngày: 28 - 10 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Minh Tuân.

Thẩm phán: Ông Dương Văn Bản.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Bắc.

2. Bà Đỗ Phương Diệp.

3. Ông Hoàng Minh Đức.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Khánh Tùng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 76/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị Thanh T, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 05/12/1968, tại Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ dân phố A, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Trọng N; con bà Lương Thị S (đều đã chết); có chồng là Bùi Quang Đ (đã chết), có 01 con, sinh năm 1989; Tiền án, tiên sự: Không có.

Nhân thân: Tại bản án số 94 ngày 20/11/2003 của TAND huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội "Đánh bạc".

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2024 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, (có mặt).

2. Bùi Thị Vân A, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 22/7/1984, tại Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm C, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Thanh K; con bà

Đinh Thị P; có chồng là Vy Văn L, có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiên sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2024 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, (có mặt).

3. Triệu Văn L1, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 13/3/1996, tại Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn H; con bà Triệu Thị X; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2024 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo T: Bà Dương Thị H1 – Luật sư Văn phòng L2, Đoàn Luật sư tỉnh T. (có mặt)

Người làm chứng:

1. Chị Bùi Thị Huyền T1, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Lường Thành Đ1, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Anh Trần Văn C, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Nơi cư trú: TDP C, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 25/4/2024, Tổ công tác của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang tại nhà ở của Phạm Thị Thanh T sinh năm 1968, thường trú và nơi ở tại Tổ dân phố số A, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có các đối tượng gồm Phạm Thị Thanh T, Bùi Thị Vân A, Triệu Văn L1 đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, vật chứng thu giữ tại vị trí sử dụng ma túy trong phòng khách nhà ở của T gồm: 01 chai nhựa nhãn hiệu Sting trên nắp có 2 lỗ thủng mỗi lỗ có 01 ống nhựa dài khoảng 35 cm, trong đó 01 ống nhựa có gắn giấy bạc cuộn thành hình ống; 01 hộp sắt hình chữ nhật màu đỏ bên trong có: 02 hai ống nhựa dài khoảng 35 cm, 02 ống nhựa một đầu có gắn giấy bạc cuộn hình tròn dài khoảng 15 cm, 02 ống nhựa hình tròn dài khoảng 10 cm, một đầu được cắt vắt, 01 bật lửa nhãn hiệu Bic màu xanh, 01 bật lửa nhãn hiệu THONGNHAT màu đỏ, 01 cân tiểu ly điện tử màu đen, 01 túi ni lon màu trắng bên trong có các chất tinh thể màu trắng và các viên nén màu hồng (nghi là ma tuý tổng hợp, niêm phong ký hiệu QT1), 01 lọ nhựa hình tròn có nắp màu đỏ bên trong có 03 túi ni lon màu xanh trong đó 02 túi bên trong có chứa các viên nén màu cam, màu hồng, màu xanh nghi là ma tuý tổng hợp ngựa và 01 túi bên trong là túi ni lon màu trắng chứa chất tinh thể

màu trắng (nghi là ma tuý tổng hợp, niêm phong ký hiệu QT). Thu giữ của Phạm Thị Thanh T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu ghi xám và số tiền 4.100.000đ. Thu giữ của Bùi Thị Vân A 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG vỏ màu xanh. Thu giữ của Triệu Văn L1 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone vỏ màu đen. Ngoài ra còn thu giữ đồ vật của đối tượng có liên quan gồm: Bùi Thị Huyền T1 bị thu giữ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone xanh vỏ màu xanh, thu giữ của Lường Thành Đạt 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone vỏ màu đen.

Ngày 26/4/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Đ tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Phạm Thị Thanh T, phát hiện thu giữ trên vỏ hộp kim loại đựng bánh kẹo để giữa hai tủ gỗ đựng quần áo sát tường bên trái (từ cửa nhìn vào) phòng để quần áo nhà T có 01 túi nilon màu tím bên trong có: 07 túi nilon trong đó gồm: 04 túi nilon màu xanh, 02 túi nilon màu hồng một mặt có chữ A bên trong cả 06 túi đều có chứa các viên nén màu hồng, màu xanh và 01 túi nilon màu xanh bên trong có một túi nilon màu trắng chứa 03 viên nén màu vàng và 01 viên nén màu tím nghi là ma túy tổng hợp (vật chứng thu giữ được niêm phong trong phong bì ký hiệu KX). Ngoài ra còn phát hiện thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn xanh trắng, gắn BKS: 20B2-398.49 của Triệu Văn L1; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu sơn xám, gắn BKS: 20AC-024.40 của Bùi Thị Vân A. 01 xe mô tô không rõ nhãn hiệu, màu sơn nâu, trên thân xe có chữ ULTIMO gắn BKS: 29B1-03966, số khung: RLCM23B10, số máy: BY026044.

Cơ quan điều tra đã phối hợp cùng Phòng K1 - Công an tỉnh T tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng mẫu vật chứng nghi ma túy và lấy mẫu giám định xác định như sau:

- Trong phong bì ký hiệu **QT** có 03 túi nilon màu xanh trong có 02 túi chứa:

+ 154 viên nén màu cam, có khối lượng 15,202 gam; (lấy toàn bộ cho vào phong bì niêm phong, kí hiệu A để gửi đi giám định)

+ 111 viên nén màu hồng, có khối lượng 11,702 gam; (lấy toàn bộ cho vào phong bì niêm phong, kí hiệu A1 để gửi đi giám định)

+ 05 viên nén màu xanh, có khối lượng 0,496 gam; (lấy toàn bộ cho vào phong bì niêm phong, kí hiệu A2 để gửi đi giám định)

+ 01 túi nilon màu trắng chứa tinh thể màu trắng, có khối lượng 6,229 gam. (lấy toàn bộ cho vào phong bì niêm phong, kí hiệu A3 để gửi đi giám định)

- Trong phong bì kí hiệu **QT1** có 01 túi nilon màu trắng chứa:

+ Tinh thể màu trắng, có khối lượng 0,525 gam; (lấy toàn bộ cho vào phong bì niêm phong, kí hiệu A4 để gửi đi giám định)

+ 10 viên nén màu hồng, có khối lượng 1,045 gam. (lấy toàn bộ cho vào phong bì niêm phong, kí hiệu A5 để gửi đi giám định)

- Trong phong bì ký hiệu **KX** có 01 túi nilon màu tím trong có 07 túi nilon gồm:

+ 04 túi nilon màu xanh, 02 túi nilon màu hồng một mặt có chữ A bên trong cả 06 túi có chứa: 948 viên nén màu hồng, có khối lượng 98,811gam (lấy toàn bộ cho vào phong bì niêm phong, kí hiệu A6 để gửi đi giám định); 12 viên nén màu xanh, có khối lượng 1,223 gam. (lấy toàn bộ cho vào phong bì niêm phong, kí hiệu A7 để gửi đi giám định)

+ 01 túi nilon màu xanh bên trong có một túi nilon màu trắng chứa: 03 (ba) viên nén màu vàng, có khối lượng 1,390 gam (lấy toàn bộ cho vào phong bì niêm phong, kí hiệu A8 để gửi đi giám định); 01 (một) viên nén màu tím, có khối lượng 0,413 gam, cho vào phong bì niêm phong kí hiệu A9 để gửi đi giám định.

Tại bản Kết luận giám định số 567/KL-KTHS ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh T, kết luận:

- Mẫu viên nén màu cam trong phong bì niêm phong ký hiệu A gửi giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là: 15,202 gam.

- Mẫu viên nén màu hồng trong phong bì niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là: 11,702 gam.

- Mẫu viên nén màu xanh trong phong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là: 0,496 gam.

- Mẫu chất tinh thể màu trắng trong phong bì niêm phong ký hiệu A3 gửi giám định là chất ma túy; koại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là: 6,229 gam.

- Mẫu chất tinh thể màu trắng trong phong bì niêm phong ký hiệu A4 gửi giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là: 0,525 gam.

- Mẫu viên nén màu hồng trong phong bì niêm phong ký hiệu A5 gửi giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là: 1,045 gam.

- Mẫu viên nén màu hồng trong phong bì niêm phong ký hiệu A6 gửi giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là: 98,811 gam.

- Mẫu viên nén màu xanh trong phong bì niêm phong ký hiệu A7 gửi giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là: 1,223 gam.

- Mẫu viên nén màu vàng trong phong bì niêm phong ký hiệu A8 gửi giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là: 1,390 gam.

- Mẫu viên nén tím cam trong phong bì niêm phong ký hiệu A9 gửi giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine, MDMA và Ketamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là: 0,413 gam.

- Kết quả xét nghiệm chất ma túy ngày 25/4/2024 xác định: Phạm Thị Thanh T và Bùi Thị Huyền T1: Dương tính Methamphetamine, MDMA; Bùi Thị Vân A, Triệu Văn L1 và Lường Thành Đ1: Dương tính Methamphetamine.

Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Ngày 18/4/2024, tại khu vực cầu G thuộc phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Phạm Thị Thanh T đã mua của một người nam giới không quen biết 06 túi ma túy tổng hợp hồng phiến với giá 15.000.000 đồng, người đó cho T 01 túi ma túy đá và 04 viên thuốc lắc. Toàn bộ số ma túy này T đem về nhà cất giấu mục đích để bán kiếm lời và để bản thân sử dụng, T đã chia số ma túy cất giấu một phần ở phòng khách và 01 phần ở phòng để quần áo. Khoảng 19 giờ ngày 25/4/2024, Phạm Thị Thanh T đi công việc về nhà ở của mình thì thấy Bùi Thị Vân A và con gái của T là Bùi Thị Huyền T1. Thấy vậy T đã rủ Vân A và T1 cùng sử dụng ma túy, Vân A và T1 đồng ý. T lấy ra 01 chai nhựa nhãn hiệu Sting trên nắp có 2 lỗ thủng mỗi lỗ có gắn 01 ống nhựa dài khoảng 35 cm, trong đó 01 ống nhựa có gắn giấy bạc cuộn thành hình ống để ở sàn nhà phòng khách và 01 bật lửa màu đỏ để ở giữa chỗ T, Vân A và T1 đang ngồi. Sau đó, T dùng ống nhựa có một đầu cắt vát xúc ma túy tổng hợp gồm ma túy tổng hợp dạng đá và 01 viên ma túy tổng hợp hồng phiến trong túi nilon màu trắng T mua về trước đó cho vào mảnh giấy bạc ở đầu ống hút cắm ở chai Sting. Sau khi T chuẩn bị xong ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy. T đã bảo Vân A và T1 sử dụng, lúc này Vân A cầm bật lửa hơ vào mảnh giấy bạc bên trong có ma túy tổng hợp mà trước đó T chuẩn bị để cho T sử dụng bằng hình thức hút; sau khi T sử dụng ma túy xong thì Vân A tiếp tục dùng bật lửa hơ ma túy cho T1 sử dụng. Sau khi T1 sử dụng ma túy xong thì Vân A cầm bật lửa tự hơ ma túy cho bản thân sử dụng. Sau khi Vân A sử dụng ma túy thì có Triệu Văn L1, sinh năm 1996, trú tại: xóm T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Lường T, sinh năm 1989, trú tại: thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và Trần Văn C, sinh năm 1988, nơi thường trú và chỗ ở: tổ C, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đến. Thấy T, T1 và Vân A đang sử dụng ma túy, C đi ra ngoài còn L1 và Đ1 ngồi xuống cùng sử dụng ma túy. L1 cầm dụng cụ sử dụng ma túy tự dùng bật lửa hơ vào giấy bạc có ma túy để hút vào cơ thể. Sau khi L1 sử dụng ma túy xong thì L1 dùng bật lửa hơ ma túy trong giấy bạc cho Đ1 sử dụng. Sau khi Đ1 sử dụng ma túy xong thì đặt dụng cụ sử dụng ma túy xuống sàn nhà. Đến khoảng 20h30 cùng ngày thì Đ1 đứng dậy đi về, khi Đ1 ra đến cửa thì bị lực lượng Công an cùng chính quyền địa phương kiểm tra, phát hiện bắt giữ. Đối với số ma túy cất giấu tại phòng để quần áo của T sau đó đã bị Cơ quan điều tra khám xét phát hiện thu giữ.

Đối với số đồ vật thu giữ xác định không liên quan đến vụ án đã được Cơ quan điều tra hoàn trả lại cho chủ sở hữu tiếp tục quản lý, cụ thể: Đã hoàn trả Lò Thị T2, sinh năm 1994, Nơi thường trú: Bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu, nơi ở hiện tại: xóm N, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nhận lại 01 (Một) xe mô tô gắn BKS: 29B1-039.66, số khung: RLCM23B10, số máy: BY026044, xe đã qua sử dụng; Trả lại cho Lường Thanh Đ2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đen; Trả lại cho Bùi Thị H2 Thương 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu xanh.

Tại bản cáo trạng số 94/CT – VKS-P1, ngày 24/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Phạm Thị Thanh T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; truy tố Bùi Thị Vân A về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; truy tố Triệu Văn L1 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phần luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị Thanh T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; các bị cáo Bùi Thị Vân A và Triệu Văn L1 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

1. Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thanh T 20 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Phạt bổ sung bị cáo từ 5 đến 7 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thanh T từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt cho cả 02 tội.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Thị Vân A từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Văn L1 từ 24 đến 30 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: Các bì niêm phong ký hiệu: A; và từ A1 đến A9; QT2; LK; LK1; LK2; bên trong chứa ma túy, mẫu hoàn lại sau giám định, vỏ bao gói.

- Tạm giữ của bị cáo T số tiền 4.100.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu ghi để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Thị Vân A: 01 xe mô tô Honda Vision, BKS 20AC-02440; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, vỏ màu xanh.

- Trả lại cho bị cáo Triệu Văn L1: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS 20B2 – 398.49; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen-ghi.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo T: Xác định việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo T là đúng, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo yên tâm cải tạo tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị giảm một phần hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của Luật sư.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Căn cứ lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Do hám lợi nên ngày 18/4/2024, tại khu vực cầu G, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Phạm Thị Thanh T đã mua của một người nam giới (không biết họ tên địa chỉ) 06 túi nilon đựng ma túy tổng hợp dạng viên, 01 túi ma túy dạng tinh thể đá và 04 viên thuốc lắc với giá tiền 15.000.000đ, mục đích để bán lại cho người khác và để sử dụng cho bản thân. Sau đó T mang về nhà ở của mình thuộc Tổ dân phố số A, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cất giấu tại phòng để quần áo và một phần để ở phòng khách.

Khoảng 19 giờ 20 ngày 25/4/2024, tại nhà ở phòng khách của mình, Phạm Thị Thanh T cùng với Bùi Thị Vân A, Triệu Văn L1 đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó, T là người rủ Vân A, T2 sử dụng ma túy, chuẩn bị dụng cụ, cung cấp và chế biến chất ma túy để Vân A, T2, L1, Lường T và T sử dụng; Vân A có hành vi hơ mảnh giấy bạc có chứa ma túy để T, T2 sử dụng và bản thân mình sử dụng; L1 có hành vi hơ nóng ma túy trong giấy bạc để cho Đ2 sử dụng và L1 sử dụng. Sau khi các đối tượng sử dụng ma túy xong thì bị Tổ công tác của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng là các đồ vật, dụng cụ, chất ma túy phục vụ việc tổ chức sử dụng ma túy trái phép. Đồng thời tiến hành khám xét phát hiện thu giữ toàn bộ số ma túy còn lại của Phạm Thị Thanh T cất giấu tại nhà ở. Tổng khối lượng chất ma túy thu giữ của Phạm Thị Thanh T gồm **136,623** gam ma túy tổng hợp loại Methamphetamine và 01 viên ma túy tổng hợp màu tím, loại Methamphetamine, MDMA và Ketamine, có khối lượng là **0,413** gam.

Với hành vi nêu trên, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 251 Bộ luật hình sự:

"*1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc từ hình:

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...".

Nội dung Điều 255 Bộ luật hình sự:

"1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù 07 năm, đến 15 năm:

b) Đối với 02 người trở lên;

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị Thanh T là đặc biệt nghiêm trọng; hành vi phạm tội của Bùi Thị Vân A là rất nghiêm trọng; hành vi phạm tội của Triệu Văn L1 là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Phạm Thị Thanh T chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu; các bị cáo Bùi Thị Vân A, Triệu Văn L1 chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Vật chứng vụ án:

- Số ma túy thu giữ được niêm phong theo quy định ký hiệu A, LK, LK1, LK2 và từ A1 đến A9; và các vật chứng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

- Đối với số tiền 4.100.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha; BKS: 20B2 – 398.49; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda; BKS: 20AC – 024.40 và 03 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Phạm Thị Thanh T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy với mục đích thu lợi bất chính nên cần phạt bổ sung một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước. Các bị cáo Bùi Thị Vân A, Triệu Văn L1 phạm tội không có mục đích thu lợi bất chính nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Trong vụ án này: Đối với các đối tượng liên quan gồm: Bùi Thị Huyền T1 và Lường Thành Đ1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý là hành vi vi phạm hành chính nên đã bị Phòng CSĐT tội phạm về ma tuý - Công an tỉnh T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với người nam giới bán ma túy cho Phạm Thị Thanh T ngày 18/4/2024, do T không biết địa chỉ, họ tên người này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra, xác minh làm rõ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị Thanh T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; các bị cáo Bùi Thị Vân A và Triệu Văn L1 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

I. Về hình phạt:

1. Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thanh T 20 (hai mươi) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thanh T 08 (tám) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt cho cả 02 tội là 28 (hai mươi tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2024.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Thị Vân A 07 (bảy) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2024. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Văn L1 02 (hai) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2024. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam các bị cáo Bùi Thị Vân A và Triệu Văn L1, mỗi bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

II. Vật chứng vụ án và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu **A** trên mép dán có chữ ký của Lê Minh G và Nguyễn Minh T3 cùng hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 15,046 gam mẫu sau giám định và vỏ bao gói mẫu ký hiệu A vụ Phạm Thị Thanh T SN 1968.

- 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu **A1** trên mép dán có chữ ký của Lê Minh G và Nguyễn Minh T3 cùng hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 11,531 gam mẫu sau giám định và vỏ bao gói mẫu ký hiệu A1 vụ Phạm Thị Thanh T SN 1968.

- 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu **A2** trên mép dán có chữ ký của Lê Minh G và Nguyễn Minh T3 cùng hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 0,332 gam mẫu sau giám định và vỏ bao gói mẫu ký hiệu A2 vụ Phạm Thị Thanh T SN 1968.

- 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu **A3** trên mép dán có chữ ký của Lê Minh G và Nguyễn Minh T3 cùng hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 6,129 gam mẫu sau giám định và vỏ bao gói mẫu ký hiệu A3 vụ Phạm Thị Thanh T SN 1968.

- 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu **A4** trên mép dán có chữ ký của Lê Minh G và Nguyễn Minh T3 cùng hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 0,425 gam mẫu sau giám định và vỏ bao gói mẫu ký hiệu A4 vụ Phạm Thị Thanh T SN 1968.

- 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu **A5** trên mép dán có chữ ký của Lê Minh G và Nguyễn Minh T3 cùng hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 0,828 gam mẫu sau giám định và vỏ bao gói mẫu ký hiệu A5 vụ Phạm Thị Thanh T SN 1968.

- 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu **A6** trên mép dán có chữ ký của Lê Minh G và Nguyễn Minh T3 cùng hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 98,191 gam mẫu sau giám định và vỏ bao gói mẫu ký hiệu A6 vụ Phạm Thị Thanh T SN 1968

- 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu **A7** trên mép dán có chữ ký của Lê Minh G và Nguyễn Minh T3 cùng hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 1,050 gam mẫu sau giám định và vỏ bao gói mẫu ký hiệu A7 vụ Phạm Thị Thanh T SN 1968.

- 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu **A8** trên mép dán có chữ ký của Lê Minh G và Nguyễn Minh T3 cùng hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 1,249 gam mẫu sau giám định và vỏ bao gói mẫu ký hiệu A8 vụ Phạm Thị Thanh T SN 1968.

- 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu **A9** trên mép dán có chữ ký của Lê Minh G và Nguyễn Minh T3 cùng hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 0,313 gam mẫu sau giám định và vỏ bao gói mẫu ký hiệu A9 vụ Phạm Thị Thanh T SN 1968.

- 01 (Một) hộp sắt hình chữ nhật mầu đỏ.

- 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu **QT2** trên mép dán có chữ ký của Trần Xuân H3, N T4 cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Công an thị trấn S. Bên ngoài ghi: Vật chứng thu giữ của Phạm Thị Thanh T ngày 25/4/2024.

- 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu **LK** trên mép dán có chữ ký của Bùi Thị Vân A, Triệu Văn L1 cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ. Bên ngoài ghi: vỏ bao gói của QT mẫu lưu kho Phạm Thị Thanh T.

- 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu **LK1** trên mép dán có chữ ký của Bùi Thị Vân A, Triệu Văn L1 cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ. Bên ngoài ghi: vỏ bao gói của QT1 mẫu lưu kho Phạm Thị Thanh T.

- 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu **LK2** trên mép dán có chữ ký của Bùi Thị Vân A, Triệu Văn L1 cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ. Bên ngoài ghi: vỏ bao gói của KX mẫu lưu kho Phạm Thị Thanh T.

2. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

- Của bị cáo Phạm Thị Thanh T: Số tiền 4.100.000 đồng; 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu **ĐT1** trên mép dán có chữ ký của Trần Xuân H3, N T4 cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Công an thị trấn S. Bên ngoài ghi: 01 điện thoại di động thu giữ của Phạm Thị Thanh T ngày 25/4/2024.

- Của bị cáo Bùi Thị Vân A: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu sơn xám, gắn BKS: 20AC-02440, số khung: RLHJK0355RY038702, số máy: JK03E3349079, xe đã sử dụng; 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu **ĐT2** trên mép dán có chữ ký của Trần Xuân H3, N T4 cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Công an thị trấn S. Bên ngoài ghi: điện thoại di động thu giữ của Bùi Thị Vân A ngày 25/4/2024.

- Của bị cáo Triệu Văn L1: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn xanh trắng, không có gương phải. gắn BKS: 20B2-398.49, số khung: RLCUE3720LY043607, số máy: E32VE-221061, xe đã qua sử dụng; 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu **ĐT4** trên mép dán có chữ ký của Trần Xuân H3, N T4 cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Công an thị trấn S. Bên ngoài ghi: điện thoại di động thu giữ của Triệu Văn L1 ngày 25/4/2024.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 121 ngày 18 tháng 9 năm 2024 giữa Công an tỉnh T với Cục THADS tỉnh T; số tiền theo ủy nhiệm chi số 224, ngày 20/9/2024).

III. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc các bị cáo Phạm Thị Thanh T, Bùi Thị Vân A và Triệu Văn L1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đặng Minh Tuân